

Số: 83 /TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại theo thủ tục giám đốc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy việc giải quyết việc "*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*" giữa nguyên đơn là bà Đinh Thị T với bị đơn Ngân hàng N do Tòa án nhân dân (TAND) cấp giám đốc thẩm giải quyết có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 20/7/2011, bà Đinh Thị T và Công ty M có ký kết Hợp đồng vay tiền phục vụ sản xuất kinh doanh số 02. Theo đó, bà T cho Công ty M vay số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13,5%/năm. Việc cho vay có đảm bảo bằng bảo lãnh của Ngân hàng N.

Ngày 21/7/2011, Chi nhánh T – Ngân hàng N đã phát hành Thư bảo lãnh thanh toán số 1480, nội dung: "*Chi nhánh T – Ngân hàng N chấp thuận cung cấp một bảo lãnh thanh toán để hoàn trả tiền vay cộng với tiền lãi vay cho người thụ hưởng là bà Đinh Thị T... với số tiền là 7.483.000.000 đồng... để bảo lãnh cho Công ty M thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hoàn trả tiền vay và tiền lãi vay cho bà T theo Hợp đồng vay tiền phục vụ sản xuất kinh doanh số 02 ngày 20/7/2011 giữa Công ty M và bà T... Trong văn bản của bà Đinh Thị T gửi Ngân hàng chỉ cần nêu số tiền mà Ngân hàng phải thanh toán thay cho Công ty M, tài khoản chuyển tiền mà không cần phải nêu bất cứ lý do nào khác... Bảo lãnh thanh toán này có hiệu lực từ khi Công ty M nhận được đầy đủ tiền vay (bảy tỷ đồng) theo quy định tại Hợp đồng cho đến khi Công ty thanh toán đầy đủ tiền vay và tiền lãi vay theo quy định tại hợp đồng cho bà Đinh Thị T*". Cùng ngày 21/7/2011, Chi nhánh T – Ngân hàng N có Văn bản số 217 xác nhận việc phát hành Thư bảo lãnh nêu trên là có thật và đúng thẩm quyền của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng.

Trên cơ sở Thư bảo lãnh, ngày 26/7/2011, bà T đã chuyển số tiền 07 tỷ đồng bằng Ủy nhiệm chi vào tài khoản của Công ty M mở tại Ngân hàng N – Chi nhánh T. Công ty M đã có Văn bản xác nhận đã nhận đủ tiền vay.

Sau đó, Công ty M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn số tiền vay cho bà T, Chi nhánh T – Ngân hàng N cũng không đồng ý thực hiện thanh toán tiền vay và tiền lãi theo Thư bảo lãnh nên bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền là 7.483.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Ngân hàng N cho rằng Thư bảo lãnh vô hiệu vì ông Nguyễn Hữu H (nguyên Giám đốc Chi nhánh T – Ngân hàng N) ký Thư bảo lãnh không đúng thẩm quyền, ông H không có quyền đại diện cho Ngân hàng ký phát hành bảo lãnh vay vốn trong nước nên giao dịch của ông H trong việc phát hành Thư bảo lãnh không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty M xác nhận nội dung ký hợp đồng vay tiền với bà T và việc phát hành thư bảo lãnh của Ngân hàng. Do Công ty gặp khó khăn nên chưa trả nợ theo thời hạn thỏa thuận. Đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

1. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2017/KDTM-ST ngày 21, 24/11/2017 của TAND quận B, Thành phố H, quyết định: *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T; buộc Ngân hàng phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền 7.483.000.000 đồng theo cam kết bảo lãnh và khoản tiền lãi quá hạn 4.293.372.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền; tổng cộng là 11.776.372.000 đồng; Ngân hàng có quyền khởi kiện đối với Công ty M khi có yêu cầu.*

Ngày 05/12/2017, bị đơn Ngân hàng kháng cáo Bản án sơ thẩm.

2. Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 41/2019/KDTM-PT ngày 23/9/2019 của TAND Thành phố H, quyết định: *Sửa một phần Bản án sơ thẩm, xử: Chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Đinh Thị T; buộc Ngân hàng phải trả cho bà T số tiền 7.483.000.000 đồng tiền cam kết bảo lãnh và số tiền 4.287.759.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 11.770.759.000 đồng; Ngân hàng có quyền khởi kiện đối với Công ty M khi có yêu cầu.*

Sau khi xét xử phúc thẩm, bị đơn Ngân hàng có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 22/11/2019, Viện trưởng VKSND cấp cao H ban hành Quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, với nội dung: *Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm đối với Thư bảo lãnh do ông Nguyễn Hữu H ký phát hành trái pháp luật mà cá nhân ông H phải có nghĩa vụ đối với bà T; đề nghị xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho TAND cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.*

3. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 04/2020/KDTM-GĐT ngày 17/02/2020 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao, quyết định: *Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 41/2019/KDTM-PT ngày 02/5/2019 của TAND Thành phố H và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2017/KDTM-ST ngày 21, 24/11/2017 của TAND quận B; giao hồ sơ cho TAND cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.*

Sau đó, bà Đinh Thị T có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Ngày 30/5/2022, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2022/KN-KDTM, nội dung nhận định: Quyết định số 398/QĐ-HĐQT-TD ngày 02/5/2007 về bảo lãnh Ngân hàng là quy định nội bộ của Ngân hàng. Công ty M và bà T không thể biết và không buộc phải biết các quy định nêu trên, không phải đối tượng điều chỉnh của các quy định này. Tòa án cấp giám đốc thẩm xác định bà Tâm buộc phải biết ông H – Giám đốc chi nhánh T của Ngân hàng N ký Thư bảo lãnh có thuộc phạm vi ủy quyền hay không khi tham gia giao dịch là không đúng pháp luật. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện cam kết bảo lãnh tại Thư bảo lãnh do Chi nhánh T của Ngân hàng phát hành.

Bởi các lẽ, trên Chánh án TAND tối cao đã ban hành Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm. Đề nghị Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xét xử hủy Quyết định giám đốc thẩm và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm của TAND Thành phố H.

4. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2022/KDTM-GĐT ngày 24/8/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã quyết định chấp nhận Quyết định kháng nghị của Chánh án TAND tối cao; hủy Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm của TAND Thành phố H.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Thứ nhất, Quyết định số 398/QĐ-HĐQT-TD ngày 02/5/2007 về bảo lãnh ngân hàng trong hệ thống Ngân hàng N là quy định nội bộ của Ngân hàng, ngay tại Điều 1 của Quyết định 398 về phạm vi điều chỉnh nêu rõ *“quy định này hướng dẫn việc thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh của Ngân hàng N đối với khách hàng”*. Như vậy, Quyết định 398 chỉ có phạm vi điều chỉnh, ràng buộc trong nội bộ Ngân hàng. Khách hàng là bà T không thể biết và không buộc phải biết các quy định nội bộ của Ngân hàng, không phải là đối tượng điều chỉnh của các quy định nội bộ Ngân hàng. Do đó, việc ông H ký Thư bảo lãnh vượt thẩm quyền là lỗi của Ngân hàng và chi nhánh Ngân hàng.

Bên cạnh đó, sau khi nhận được Thư bảo lãnh, bà T đã kiểm tra bằng cách yêu cầu Chi nhánh T – Ngân hàng N xác nhận Thư bảo lãnh của Ngân hàng là đúng. Tại Văn bản số 217 ngày 21/7/2011 về trả lời theo Giấy đề nghị xác nhận nghĩa vụ theo thư bảo lãnh thanh toán của Chi nhánh T – Ngân hàng N xác nhận nội dung *“Việc phát hành Thư bảo lãnh thanh toán là đúng thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng”*. Trên cơ sở đó, bà T đã thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty M mở tại Chi nhánh T – Ngân hàng N.

Thứ hai, căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 92 Bộ luật dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện pháp lý) quy định:

“3. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của pháp nhân, kể cả chức năng đại diện theo



ủy quyền.

5. *Pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do văn phòng đại diện, chi nhánh xác lập, thực hiện”.*

Như vậy, Chi nhánh T – Ngân hàng N là đơn vị phụ thuộc của Ngân hàng, khi Chi nhánh xác lập, thực hiện giao dịch dân sự thì sẽ phát sinh quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng phải có nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh tại Thư bảo lãnh do Chi nhánh của Ngân hàng phát hành theo quy định tại Điều 92, Điều 93, Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2005. Thời điểm ông H ký Thư bảo lãnh với tư cách Giám đốc Chi nhánh T của Ngân hàng N, có đóng dấu của Chi nhánh T, nên Thư bảo lãnh là văn bản do Ngân hàng N phát hành, ông H chỉ ký với tư cách là người đại diện cho Ngân hàng. Việc ông H vi phạm các quy định của Ngân hàng là trách nhiệm cá nhân giữa ông H với pháp nhân Ngân hàng N.

Trong vụ án này, Viện kiểm sát cấp phúc thẩm có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tính lãi suất và án phí có căn cứ, đúng pháp luật.

Đến cấp giám đốc thẩm, Viện kiểm sát cấp giám đốc thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát; huỷ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm; giao hồ sơ cho TAND cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại là không đúng quy định của pháp luật, không đúng với những tài liệu, chứng cứ của vụ án. Nên đến cấp giám đốc thẩm TAND tối cao, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã hủy quyết định giám đốc thẩm, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Vì vậy, trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cần nắm chắc các quy định của pháp luật dân sự, các văn bản hướng dẫn để phát hiện vi phạm của Tòa án, từ đó thực hiện tốt quyền kiến nghị, kháng nghị.

Trên đây là vi phạm của Tòa án trong việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại, VKSND tối cao thông báo đến VKSND các cấp tham khảo và rút kinh nghiệm khi kiểm sát việc giải quyết các vụ án tương tự./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT VKSNDTC (để b/c);
- Đ/c Vụ trưởng Vụ 10 – VKSNDTC (để b/c);
- Văn phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học VKSND tối cao (để biết);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, V10, HSKS.

[Chữ ký]

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT
CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH,
THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đoàn Văn Thắng

CÁN BỘ TƯ LỆNH

